

Bản án số: **68/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-5-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lữ Quốc Toàn  
2. Ông Nguyễn Văn Hiếu

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 554/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Tố N, sinh năm: 1982

Địa chỉ: tổ 6, ấp 3, xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm: 1978

Địa chỉ: tổ 6, ấp 3, xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

*(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo nguyên đơn chị Trịnh Thị Tố N trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn Ng tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Hiện nay, cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, Anh Ng thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị và hay ăn nhậu dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2019 đến nay. Trong thời gian không sống chung, anh chị không quan tâm đến nhau, không chăm sóc nhau, lâu lâu anh Ng đi nhậu xỉn về đập phá đồ đạc trong gia đình. Nay chị không còn tình cảm gì với anh Ng nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Ng.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Nguyễn Trịnh Khánh A, sinh ngày: 05/11/2003; Nguyễn Trịnh Mai A, sinh ngày: 20/10/2012. Chị yêu cầu được nuôi cháu Trịnh Thị Mai A và không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Trịnh Khánh A đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Ng được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để làm việc, hòa giải, xét xử vụ án nhưng anh Nguyễn Văn Ng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của anh Nguyễn Văn Ng.

#### **Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trịnh Thị Tố N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ng.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Trịnh Mai A sinh ngày: 20/10/2012 cho chị N nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho anh Ng. Con chung Trịnh Thị Khánh A, sinh ngày: 05/11/2003 đã đủ 8 tuổi và có khả năng lao động nên đề nghị không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có, anh Ng không có lời khai nên không giải quyết.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trịnh Thị Tố N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trịnh Thị Tố N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Ng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh Ng tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy: Chị N trình bày vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, anh Ng thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị và hay ăn nhậu dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2019 đến nay. Trong thời gian không sống chung, anh chị không quan tâm đến nhau, không chăm sóc nhau, lâu

lâu anh Ng đi nhậu xỉn về đập phá đồ đạc trong gia đình. Tại Biên bản xác minh ngày 08/12/2021 tại ấp 3, xã XH (bút lục số 24) thể hiện anh Nguyễn Văn Ng có hộ khẩu thường trú tại tổ 6, ấp 3, xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai và hiện nay Ng đang cư trú và sinh sống tại địa phương; về quan hệ hôn nhân hiện nay chị N, anh Ng không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2019 đến nay. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Ng đến tham gia các buổi làm việc, hòa giải đoàn tụ, xét xử nhưng anh Ng vắng mặt không có lý do chính đáng. Thấy rằng, chị Neuong quyết xin ly hôn nhưng anh Ng không có nỗ lực thật sự để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng dù Tòa án đã tạo điều kiện để vợ chồng hòa giải đoàn tụ nên tình trạng hôn nhân của chị N và anh Ng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Trịnh Khánh A, sinh ngày: 05/11/2003; Nguyễn Trịnh Mai A, sinh ngày: 20/10/2012. Chị N yêu cầu được nuôi cháu Mai A. Xét ý kiến của cháu Nguyễn Trịnh Mai A có nguyện vọng muốn được ở với mẹ nên giao cháu Mai A cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Đối với con chung Nguyễn Trịnh Khánh A đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N tạm thời không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con là cháu Mai A nên Tòa không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị N trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

[8] Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Trịnh Thị Tố N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Tố N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ng.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 10/2003 ngày

25/01/2003 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trịnh Mai A, sinh ngày 20/10/2012 cho chị Trịnh Thị Tố N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Đối với con chung Nguyễn Trịnh Khánh A, sinh ngày: 05/11/2003 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trịnh Thị Tố N tạm thời không yêu cầu anh Nguyễn Văn Ng cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Ng được quyền thăm nom con chung nhưng không được gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trịnh Thị Tố N. Khi cần thiết, chị Trịnh Thị Tố N và anh Nguyễn Văn Ng được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trịnh Thị Tố N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005915 ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Chị Trịnh Thị Tố N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị Tố N và anh Nguyễn Văn Ng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Thanh Phụng**

